TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **139**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02-02-2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh

2. Ông Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chi Minh: không tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Tân Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Hương L, sinh năm 1976; Ngụ tại: 24/10 đường Đ, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Vũ Văn T, sinh năm 1978; Ngụ tại: 24/10 đường Đ, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

(các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/01/2018 và tại các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn là bà Trương Thị Hương L trình bày:

Bà và ông Vũ Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Do tại thời điểm tổ chức lễ cưới, bà và ông T chưa có hộ khẩu tại thành phố Hồ Chí Minh và không

có thời gian về quê để đăng ký kết hôn nên bà và ông T không đăng ký kết hôn.

Sau khi tổ chức đám cưới, bà và ông T chung sống tại địa chỉ số 24/10 đường Đ, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay.

Trong thời gian chung sống, bà và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà L trình bày là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, hai người không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã về vấn đề chăm sóc con cái, công việc, tài chính. Bà đã nộp đơn ly hôn nhiều lần nhưng bà đã rút đơn lại với mong muốn cuộc sống có thể tốt đẹp hơn. Nhưng mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không được, mâu thuẫn giữa hai người ngày càng trầm trọng, tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà L khai nhận vợ chồng có hai con chung là Vũ Gia B, sinh ngày 26/01/2006 và Vũ Gia L, sinh ngày 17/02/2012. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L khai nhận không có nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 22 tháng 01 năm 2018 và tại các biên bản hòa giải, bị đơn ông Vũ Văn T trình bày:

Về hoàn cảnh kết hôn và điều kiện kết hôn đúng như lời bà L trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, hai người không tìm được tiếng nói chung, hai bên thường xuyên mâu thuẫn về vấn đề con cái, tài chính và công việc. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không được, mâu thuẫn giữa hai người ngày càng trầm trọng, tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Nay bà L yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông T khai nhận vợ chồng có hai con chung là Vũ Gia B, sinh ngày 26/01/2006 và Vũ Gia L, sinh ngày 17/02/2012. Khi ly hôn, ông T đồng ý giao cả hai con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông T yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T khai nhận không có nợ chung.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tiến hành hòa giải nhưng bà L và ông T không đoàn tụ được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu trên.

- Bị đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ theo đơn khởi kiện ngày 16/01/2018 của nguyên đơn là bà Trương Thị Hương L thì Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án "Ly hôn". Do bị đơn là ông Vũ Văn T hiện đang cư ngụ tại quận Tân Phú nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn: Bà Trương Thị Hương L yêu cầu được ly hôn với ông Vũ Văn T:

Bà Trương Thị Hương L và ông Vũ Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Mặc dù đủ điều kiện kết hôn và không thuộc những trường hợp cấm kết hôn nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Lý do bà L và ông T không đăng ký kết hôn vì tại thời điểm tổ chức lễ cưới, bà và ông T chưa có hộ khẩu tại thành phố Hồ Chí Minh và không có thời gian về quê để đăng ký kết hôn nên bà và ông T không đăng ký kết hôn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nay bà L yêu cầu ly hôn với ông T do trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không giải quyết cho bà L và ông T ly hôn mà Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà Trương Thị Hương L và ông Vũ Văn T là vợ chồng.

[3]. Về quan hệ con chung: Hai bên khai nhận vợ chồng có hai con chung là Vũ Gia B, sinh ngày 26/01/2006 và Vũ Gia L, sinh ngày 17/02/2012. Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao cả hai con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của bà L và ông T. Giao cả hai con chung là Gia B và Gia L cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Hai bên yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên khai nhận không có nợ chung.

Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6].Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà L chịu án phí theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 63, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Tuyên bố không công nhận bà Trương Thị Hương L và ông Vũ Văn T là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cả hai con chung là Vũ Gia B, sinh ngày 26/01/2006 và Vũ Gia L, sinh ngày 17/02/2012 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông T do bà L không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về quan hệ tài sản:

+ Về tài sản chung: Hai bên yêu cầu vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Hai bên khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị Hương L phải chịu số tiền án phí là 300.000 đồng được cấn trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010544 ngày 18/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

3/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Tuyết Trinh